

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

MÃ SỐ: 8720603

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 25 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)*

Hải Dương, tháng 3 năm 2024

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TỔNG HỢP**

TT	Môn học	Số TC	Phân bố TC		Tỷ lệ (%)
			Lý thuyết	Thực hành, Lâm sàng	
1	Học phần chung	7	6	1	11,67
2	Học phần cơ sở và hỗ trợ	8	6	2	13,33
3	Học phần kiến thức cơ sở ngành PHCN	12	8	4	20,0
4	Học phần chuyên ngành PHCN	21	7	14	35,0
	Bắt buộc	16	6	10	26,67
	Tự chọn	5	1	4	8,33
5	Luận văn tốt nghiệp	12	0	12	20,0
Tổng số		60	27	33	100

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

1.1. Thông tin chung

Tên tiếng Việt:	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
Tên tiếng Anh:	Rehabilitation Techniques
Mã ngành đào tạo:	Sau đại học
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	2 năm tập trung
Số tín chỉ :	60 tín chỉ
Danh hiệu tốt nghiệp	Thạc sĩ (ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng)
Khoa Quản lý	Khoa Phục hồi chức năng
Cơ sở Đào tạo	Trường Đại Học kỹ thuật y tế Hải Dương

1.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Kỹ thuật Phục hồi chức năng có kiến thức và thực hành chuyên môn về chuyên ngành sâu vững vàng; có năng lực tư duy phân biện, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và chuyên nghiệp; có kỹ năng nghiên cứu khoa học phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực chuyên môn, thực hành chuyên môn dựa vào bằng chứng; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, phối hợp làm việc theo nhóm; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu kiến thức

1. Cập nhật kiến thức liên quan khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành PHCN.
2. Lựa chọn được các kiến thức cơ sở, chuyên ngành và quản lý phù hợp áp dụng trong công tác phối hợp đa ngành, cộng đồng và quản lý PHCN.
3. Tổng hợp được các kiến thức lý thuyết và thực hành về chuyên ngành sâu và các kiến thức liên ngành có liên quan để khám, lượng giá, lập kế hoạch can thiệp PHCN dựa vào bằng chứng khoa học.

Mục tiêu kỹ năng

4. Có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin để tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng thực hiện lượng giá và can thiệp PHCN cho người bệnh và người khuyết tật một cách toàn diện, an toàn và hiệu quả.
5. Có kỹ năng lượng giá và quản lý một cách thích hợp, hiệu quả cho người bệnh, lượng giá sau can thiệp kỹ thuật chuyên ngành, điều chỉnh kỹ thuật phù hợp với đối tượng người bệnh.
6. Thực hiện thành thạo, độc lập các quy trình lượng giá, quy trình can thiệp PHCN cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn.
7. Sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả để nâng cao khả năng hợp tác với các nhân viên y tế khác, với người bệnh, người khuyết tật và cộng đồng. Tham gia phòng ngừa khuyết tật, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người khuyết tật và cộng đồng.
8. Hiểu rõ giá trị về tính đa dạng, đa văn hoá và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.
9. Có kỹ năng sử dụng, bảo quản trang thiết bị trong khoa phòng PHCN, quản lý hoạt động của các khoa phòng hợp lý và hiệu quả
10. Sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin có hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, thực hiện nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

Mức tự chủ và trách nhiệm

11. Có khả năng tự kiểm tra, đánh giá quá trình chăm sóc và PHCN cho người bệnh và liên tục cải tiến việc chăm sóc người bệnh.
12. Có khả năng thích nghi, tự định hướng và có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và hướng dẫn người khác trong thực hành nghề nghiệp, đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành sâu trong ngành PHCN.
13. Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức, thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ việc hành nghề theo pháp luật, chính sách của nhà nước trong công tác PHCN.

1.3 Chuẩn đầu ra (PLO):

PLO 1: Tổng hợp được kiến thức chuyên ngành sâu trong ngành PHCN vào thực hành nghề nghiệp.

Tiêu chí đánh giá:

- Tích hợp được kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng trong quá trình lượng giá, lập kế hoạch can thiệp PHCN.
- Lựa chọn các kiến thức liên ngành, kiến thức về quản lý phù hợp áp dụng trong công tác phối hợp đa và liên ngành, cộng đồng và quản lý khoa phòng PHCN.
- Áp dụng được kiến thức vào lập luận lâm sàng, thực hành dựa vào bằng chứng trong thực hành PHCN.
- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để lượng giá/tái lượng giá và lập kế hoạch can thiệp PHCN phù hợp.

PLO2: Thực hiện thành thạo lượng giá, lập kế hoạch can thiệp với cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm và thực hành dựa vào bằng chứng.

Tiêu chí đánh giá:

- Cung cấp thông tin đầy đủ và giải thích cho người bệnh về mục tiêu của việc lượng giá, các yếu tố nguy cơ và tư vấn các lựa chọn can thiệp dựa vào bằng chứng bệnh PHCN.
- Xây dựng kế hoạch lượng giá có vận dụng kiến thức lý thuyết để xác định các khiếm khuyết, giảm chức năng và giới hạn khả năng tham gia của người bệnh.
- Thực hiện thành thạo kỹ năng lượng giá và tái lượng giá một cách phù hợp dựa trên việc tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm.
- Lập kế hoạch can thiệp PHCN phù hợp với từng người bệnh dựa trên cơ sở thực hành dựa vào bằng chứng.

PLO 3. Thực hiện thành thạo các phương pháp can thiệp chuyên ngành với tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm và thực hành dựa vào bằng chứng.

Tiêu chí đánh giá:

- Cung cấp và giải thích thông tin đầy đủ, chính xác cho người bệnh về các phương pháp can thiệp PHCN nhằm thống nhất được mục tiêu và kế hoạch can thiệp, đạt được sự hợp tác của người bệnh trong quá trình can thiệp.
- Thực hiện thành thạo và độc lập các kỹ thuật PHCN chuyên sâu với người bệnh.
- Đánh giá hiệu quả can thiệp và điều chỉnh các kỹ thuật PHCN phù hợp trong quá trình điều trị.
- Thực hiện được việc khảo sát nhu cầu sử dụng và thiết kế cơ bản về dụng cụ trợ giúp với một số bệnh thông thường.

PLO 4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, tham gia nghiên cứu khoa học, cập nhật kiến thức trong thực hành chuyên ngành và hội nhập quốc tế.

Tiêu chí đánh giá:

- Tích cực tham gia các NCKH nhằm ứng dụng và chia sẻ các kiến thức đã nghiên cứu giúp nâng cao kiến thức chuyên môn và thực hành nghề nghiệp.
- Thực hiện độc lập một đề tài NCKH trong lĩnh vực chuyên ngành, bảo vệ được kết quả nghiên cứu và xuất bản công trình nghiên cứu.
- Chủ động tìm kiếm, tích cực tiếp nhận, thảo luận các phân hồi và góp ý có tính xây dựng của đồng nghiệp, các bên liên quan và thay đổi phù hợp dựa trên bằng chứng tốt nhất.
- Sử dụng công nghệ kỹ thuật số, truy cập và tiếp cận nguồn tài liệu chuyên môn, chia sẻ kiến thức với đồng nghiệp.
- Tích cực tham dự các buổi hội nghị, hội thảo nâng cao kiến thức chuyên môn, chủ động tham gia vào quá trình phát triển chuyên môn.

PLO 5: Có kỹ năng giao tiếp tốt và thể hiện tính chuyên nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng PHCN.

Tiêu chí đánh giá:

- Tích cực lắng nghe, tham gia cùng với người bệnh, gia đình và các chuyên gia khác trong thực hành lâm sàng.
- Vận dụng đa dạng các kỹ năng giao tiếp, ứng xử một cách linh hoạt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và những người liên quan khác trong từng hoàn cảnh cụ thể.
- Vận dụng được kỹ năng giao tiếp vào quá trình khai thác thông tin bệnh sử, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng một cách phù hợp và hiệu quả.
- Xác định được các tình huống có khả năng sai sót do thiếu hụt hành vi chuyên nghiệp và có các hành vi khắc phục phù hợp.
- Xác định được những thiếu hụt năng lực chuyên môn và bổ sung liên tục kế hoạch học tập phát triển suốt đời.

PLO 6. Thực hiện tốt hoạt động quản lý, sử dụng, bảo quản trang thiết bị, hồ sơ bệnh án, tài sản được phân công và tổ chức, quản lý hoạt động của các khoa phòng PHCN hợp lý và hiệu quả.

Tiêu chí đánh giá:

- Ghi chép chính xác kết quả lượng giá, lập kế hoạch, các kỹ thuật can thiệp.
- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ hợp lý, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc lưu trữ.
- Sử dụng thành thạo và bảo quản tốt các trang thiết bị máy móc trong khoa PHCN.

- Tham gia quản lý hoạt động của các khoa phòng PHCN hợp lý và hiệu quả.

PLO 7. Tham gia hiệu quả vào việc hợp tác nhóm đa ngành.

Tiêu chí đánh giá:

- Xác định được thành phần và vai trò của thành viên trong nhóm đa ngành, đóng góp kiến thức chuyên ngành và tham gia vào quá trình lý luận và ra quyết định can thiệp tùy thuộc vào nhu cầu của người bệnh và bối cảnh can thiệp PHCN.

- Thấu hiểu, tôn trọng vai trò và sự đóng góp của những thành viên trong nhóm đa ngành để hợp tác hiệu quả với họ.

- Tham vấn và chia sẻ những kiến thức với các đồng nghiệp trong nhóm đa ngành, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các chuyên gia khác trong trường hợp vượt quá năng lực chuyên môn hoặc khi kết quả can thiệp không như mong đợi.

PLO 8: Quản lý hiệu quả các nguồn lực trong quá trình thực hành PHCN

Tiêu chí đánh giá:

- Sắp xếp, tổ chức thực hiện công việc một cách hợp lý dựa trên nguồn lực có sẵn.

- Lập kế hoạch công việc phù hợp, bám sát và thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra và sẵn sàng ứng phó với các tình huống phát sinh.

- Xác định được các hệ thống, chính sách hỗ trợ sức khỏe, phúc lợi về khuyết tật tại địa phương nhằm giảm thiểu rủi ro, tăng cường sức khỏe và hành nghề PIICN an toàn.

PLO 9. Vận dụng kiến thức vào giáo dục sức khỏe cho người bệnh, tích cực tham gia giảng dạy, tập huấn chuyển giao kiến thức cho sinh viên, đồng nghiệp trong quá trình thực hành nghề nghiệp.

Tiêu chí đánh giá:

- Đảm bảo người bệnh và gia đình hiểu được tình trạng bệnh và chủ động tham gia vào thiết lập mục tiêu can thiệp và phối hợp trong quá trình điều trị.

-Thực hiện tốt giáo dục sức khỏe và chuyển giao kiến thức, kỹ năng cho người bệnh và người chăm sóc.

- Tham gia vào việc tập huấn, chia sẻ kiến thức, hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên hoặc nhân viên mới tại cơ sở lâm sàng.

- Thể hiện sự chuyên nghiệp trong thực hành nghề và các hoạt động liên quan.

PLO 10: Có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh chuyên ngành, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin; có tư duy đổi mới, sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

Tiêu chí đánh giá:

- Đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh B2 chuyên ngành (tương đương bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc ngoại ngữ khác tương đương theo quy định

- Có khả năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thực hành nghề nghiệp.

- Có khả năng tự học, thể hiện tư duy đổi mới và khả năng thích ứng linh hoạt trong các môi trường chuyên nghiệp.

PLO 11: Thực hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và theo các quy định của pháp luật Việt Nam về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Tiêu chí đánh giá:

- Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành nghề PHCN.

- Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành nghề PHCN.

- Yêu nghề, hết lòng phục vụ người bệnh, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Thể hiện sự tôn trọng tính đa dạng về văn hóa, niềm tin, giá trị và các đặc điểm cá nhân của người bệnh và cộng đồng.

- Tích cực tham gia các hoạt động quảng bá về chuyên ngành và ngành kỹ thuật Phục hồi chức năng.

Ma trận phù hợp giữa MTĐT và CDR

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)											Tổng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
MT 1	3	3	3	2	2	3	3	2	3	2	3	
MT 2	3	3	3	2	2	3	3	2	3		3	
MT 3	3	3	3	2	2	3	3	2	3		3	
MT 4		3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	
MT 5		3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	
MT 6		3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	
MT 7		3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	
MT 8		2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	
MT 9		3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	
MT 10										3	3	
MT 11	2	2	3	2	2	2	2	2	2		3	
MT 12	2	2	3	2	2	2	2	2	2		3	
MT 13	2	2	3	2	2	2	2	2	2		3	
Tổng												

Ghi chú: (-): Không đáp ứng; 1: Đáp ứng thấp; (2): Đáp ứng trung bình; (3): Đáp ứng chặt chẽ.

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định Chuẩn chương trình đào tạo bậc sau đại học có khối lượng tín chỉ tối thiểu là 60 tín chỉ, học viên phải hoàn thành:

- Môn học chung: 4 môn trong đó chọn 1 trong 2 môn tự chọn
- Môn học cơ sở: 4 môn
- Môn chuyên ngành: 8 môn.

**Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Kỹ thuật
PHCN theo định hướng nghiên cứu**

TT	Học phần	Số TC	PHÂN BỐ	
			LT	TH
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		15	12	3
I. Kiến thức chung		7	6	1
1	Triết học	3	3	0
2	Phương pháp NCKH	2	2	0
3	Tiếng Anh (Tự học và nộp CC theo quy định)			
4	Thống kê y học (tự chọn)	2	1	1
5	Phương pháp giảng dạy đại học (tự chọn)	2	1	1
II. Kiến thức cơ sở và hỗ trợ		8	6	2
1	Thực hành dựa vào bằng chứng	3	2	1
2	Sinh lý ứng dụng trong phục hồi chức năng	3	2	1
3	Lãnh đạo và quản lý	2	2	0
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
III. Kiến thức cơ sở ngành và ngành PHCN		12		
Học phần cơ sở tự chọn ½		3	2	1
1	Vận động học và kiểm soát vận động (tự chọn)	3	1	2
2	Quá trình phát triển giao tiếp (tự chọn)	3	2	1
Học phần ngành PHCN tự chọn 4/5		9	6	3
1	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng (tự chọn)	2	1	1
2	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	2	1	1
3	Đạy và học trong phục hồi chức năng (tự chọn)	2	1	1
4	Tâm lý lâm sàng	2	2	0
5	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	3	2	1
Học phần kiến thức chuyên ngành: Tự chọn theo modul				

Modul 1		21		
Bắt buộc		16	6	10
1	Lượng giá chức năng VLTL	3	1	2
2	VLTL bệnh thần kinh - cơ 3	4	2	2
3	VLTL bệnh cơ – xương 3	4	2	2
4	Bài tập VLTL 3	2	1	1
5	Thực hành lâm sàng VLTL 1	3	0	3
Tự chọn (5 tín chỉ)		5	1	4
1	VLTL Nhi khoa 2	2	1	1
2	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (nhi khoa)	3	0	3
3	VLTL Lão khoa	2	1	1
4	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (lão khoa)	3	0	3
5	VLTL trong CTTT	2	1	1
6	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (CTTT)	3	0	3
7	VLTL trong sản khoa	3	2	1
8	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (sản khoa)	2	0	2
9	VLTL bệnh tim mạch – Hô hấp 2	3	2	1
10	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (TMHH)	2	0	2
Modul 2		21		
Bắt buộc		16	5	11
1	Lượng giá và can thiệp HĐTL	3	1	2
2	Các mô hình dựa trên hoạt động con người	3	2	1
3	HĐTL Ngoại – chỉnh hình 2	2	1	1
4	HĐTL thần kinh – cơ 2	2	1	1
5	Thực hành lâm sàng HĐTL 1	3	0	3
6	Thực hành lâm sàng HĐTL 2	3	0	3

Tự chọn (5 tín chỉ)		5	1	4
1	HĐTL nhi khoa 2	4	2	2
2	Thực hành lâm sàng HĐTL 3 (nhi khoa)	3	0	3
3	HĐTL nội khoa và lão khoa 2	2	1	1
4	Thực hành lâm sàng HĐTL 3 (nội khoa, lão khoa)	3	0	3
5	Đạo đức nghiên cứu và giáo dục học	2	2	0
Modul 3		21		
Bắt buộc		10	4	6
1	Chuyên đề Rối loạn NN-GT ở trẻ em	2	2	0
2	Chuyên đề Rối loạn NN-GT ở người lớn	2	2	0
3	Thực hành lâm sàng NNTL 1 (cho trẻ em có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	3	0	3
4	Thực hành lâm sàng NNTL 2 (cho người lớn có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	3	0	3
Tự chọn (11 tín chỉ)		11	3	8
1	NNTL cho trẻ khiếm thính	3	1	2
2	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (thính học)	2	0	2
3	Rối loạn nuốt ở người lớn	4	2	2
4	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (cho người lớn có rối loạn nuốt)	2	0	2
5	Vấn đề ăn uống ở trẻ em	3	2	1
6	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (cho trẻ em có rối loạn nuốt)	3	0	3
7	Chuyên đề (Rối loạn giọng, ...)	2	2	0
8	Phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC)	3	2	1
Luận văn				
1	Luận văn tốt nghiệp	12	0	12
Tổng tín chỉ chương trình đào tạo		60	27	33

Phân bố học phần/môn học theo học kỳ

Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
Học phần chung			
Triết học			Luận Văn
Ngoại ngữ (tự học, nộp chứng chỉ theo quy định)			
PP NCKH			
Môn tự chọn (Thống kê y học hoặc PP giảng dạy đại học)			
Thực hành dựa vào bằng chứng			
Sinh lý ứng dụng trong PHCN			
Lãnh đạo và quản lý			
HP cơ sở ngành tự chọn (Vận động học và kiểm soát vận động hoặc Quá trình PTGT)			
Modul 1			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	VLTL bệnh cơ xương 3	
	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	Bài tập Vật lý trị liệu 3	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng VLTL 1	
	Tâm lý lâm sàng	HP tự chọn 5 tín chỉ	
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN		
	Lượng giá chức năng VLTL		
	VLTL bệnh thần kinh cơ 3		
Modul 2			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	HĐTL thần kinh – cơ 2	

	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng HDTL 1	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng HDTL 2	
	Tâm lý lâm sàng		
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	HP tự chọn 5 tín chỉ	
	Lượng giá chức năng HDTL		
	Các mô hình liên quan hoạt động con người		
	ĐTL Ngoại – chính hình 2		
Modul 3			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng NNTL 2 (cho người lớn có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	
	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	HP tự chọn 11 tín chỉ	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng		
	Tâm lý lâm sàng		
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN		
	Chuyên đề RLNN-GT ở trẻ em		
	Chuyên đề RLNN-GT ở người lớn		
	Thực hành lâm sàng NNTL 1 (cho trẻ em có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)		

Ma trận phù hợp giữa học phần và CDR của chương trình đào tạo

TT	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)											Tổng CDR đáp ứng	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
1. Kiến thức giáo dục đại cương		7													
1	Triết học	3	3			2	2							3	4
2	Phương pháp NCKH	2	3			3							3	3	4
3	Tiếng Anh (Tự học và nộp CC theo quy định)												3		
4	Thống kê y học (tự chọn)	2	3			3							3	3	4
5	Phương pháp giảng dạy đại học (tự chọn)	2	3			2	2				2	2		3	6
2. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ		8													
1	Thực hành dựa vào bằng chứng	3	3	3	3	3	2	2	2	2	2			2	10
2	Sinh lý ứng dụng trong phục hồi chức năng	3	3	2	2	2						2		2	6
3	Lãnh đạo và quản lý	2	3	3	3	2		2				2		2	7
3. Khối kiến thức chuyên ngành															
3.1. Các học phần cơ sở và ngành PHCN		12													
Học phần cơ sở tự chọn ½		3													
1	Vận động học và kiểm soát vận động (tự chọn)	3	3	3	3	2						2		2	6
2	Quá trình phát triển giao tiếp (tự chọn)	3	3	3	3	2						2		2	6
Học phần ngành PHCN tự chọn 4/5		9													
1	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	2	3	3	3	3	2				2	2			7
2	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	2	3			3	3	3	2	2	2			2	8

TT	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)											Tổng CĐR đáp ứng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
3	Dạy và học trong phục hồi chức năng	2	3	3	3	3	2	2	2		2			8
4	Tâm lý lâm sàng	2	3			3	3	3	2	2	2		2	8
5	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2		2	10
Học phần kiến thức chuyên ngành: Tự chọn theo modul														
3.2	Modul 1	21												
	Bắt buộc	16												
1	Lượng giá chức năng VLTL	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
2	VLTL bệnh thần kinh - cơ 3	4	3	3	3	2	2	2	2		2			8
3	VLTL bệnh cơ – xương 3	4	3	3	3	2	2	2	2		2			8
4	Bài tập VLTL 3	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
5	Thực hành lâm sàng VLTL 1	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
	Tự chọn (5 tín chỉ)	5												
1	VLTL Nhi khoa 2	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
2	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (nhi khoa)	3	3	3	3	2	2	2		2	2		2	9
3	VLTL Lão khoa	2	3	3	3	2	2	2		2	2		2	9
4	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (lão khoa)	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
5	VLTL trong CTTT	2	3	3	3	2	2	2		2	2		2	9
6	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (CTTT)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
7	VLTL trong sản khoa	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
8	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (sản khoa)	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10

TT	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)											Tổng CDR đáp ứng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
9	VLTL bệnh tim mạch – Hô hấp 2	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
10	Thực hành lâm sàng VLTL 2 (TMHH)	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
3.3	Modul 2	21												
	Bắt buộc	16												
1	Lượng giá và can thiệp HĐTL	3	3	3	3	2	2	2	2		2		2	9
2	Các mô hình dựa trên hoạt động con người	3	3	2	2	2	2	2		2	2		2	9
3	HĐTL Ngoại – chỉnh hình 2	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
4	HĐTL thần kinh – cơ 2	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
5	Thực hành lâm sàng HĐTL 1	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
6	Thực hành lâm sàng HĐTL 2	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
	Tự chọn (5 tín chỉ)													
1	HĐTL nhi khoa 2	4	3	3	3	2	2	2	2		2			8
2	Thực hành lâm sàng HĐTL 3 (nhi khoa)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
3	HĐTL nội khoa và lão khoa 2	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
4	Thực hành lâm sàng HĐTL 3 (nội khoa, lão khoa)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
5	Đạo đức nghiên cứu và giáo dục học	2	2			2		2			2		2	5
3.4	Modul 3	21												
	Bắt buộc	10												
1	Chuyên đề Rối loạn NN-GT ở trẻ em	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8

TT	Môn học	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)											Tổng CĐR đáp ứng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
2	Chuyên đề Rối loạn NN-GT ở người lớn	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
3	Thực hành lâm sàng NNTL 1 (cho trẻ em có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
4	Thực hành lâm sàng NNTL 2 (cho người lớn có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
	Tự chọn (11 tín chỉ)	11												
1	NNTL cho trẻ khiếm thính	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
2	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (thính học)	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
3	Rối loạn nuốt ở người lớn	4	3	3	3	2	2	2	2		2			8
4	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (cho người lớn có rối loạn nuốt)	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
5	Vấn đề ăn uống ở trẻ em	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
6	Thực hành lâm sàng NNTL 3 (cho trẻ em có rối loạn nuốt)	3	2	3	3	3	3	3	3	2	3		2	10
7	Chuyên đề (Rối loạn giọng, ...)	2	3	3	3	2	2	2	2		2			8
8	Phương pháp giao tiếp tăng cường và thay thế (AAC)	3	3	3	3	2	2	2	2		2			8
	4. Luận văn tốt nghiệp	12												
	Luận văn tốt nghiệp		3	3	3	3	3	2	3	2	3	2	3	11
	Tổng số	60												

2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.

2.1. Đối tượng tuyển sinh

* Về văn bằng:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành Phục hồi chức năng với hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Phục hồi chức năng; hoặc văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đầy đủ sức khỏe để học tập.

* Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Không yêu cầu

2.2. Phương án tuyển sinh

Tuyển sinh ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ thạc sĩ được thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh ngành Thạc sĩ Kỹ thuật Phục hồi chức năng được thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Các môn thi tuyển

- **Môn cơ sở: Giải phẫu chức năng/ GPCN trong NNTL**
- **Môn chuyên ngành: Tổng hợp các môn chuyên ngành (lựa chọn)**
 - + Modul 1: VLTL hệ cơ xương, VLTL hệ thần kinh cơ, VLTL hệ tim mạch hô hấp
 - + Modul 2: HĐTL ngoại – chỉnh hình, HĐTL thần kinh cơ, HĐTL nội- lão khoa
 - + Modul 3: Gồm 2 học phần: Rối loạn âm lời nói, RL ngôn ngữ không điển hình.
- **Môn 3 (ngoại ngữ): Tiếng Anh**
 - ** Trường hợp miễn thi ngoại ngữ:
 - Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu thi môn ngoại ngữ của Nhà trường thuộc một trong các trường hợp sau đây được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.
- Bảng tham chiếu quy quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/ Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang diem: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-170
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Van bang DELF B1 Diplome de Langue	TCF: 400-499 Van bang DELF B2 Diplome de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bac 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN4)

4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bac 3	HSK Bac 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3

2.5. Điều kiện công nhận trúng tuyển:

- Điểm các môn thi đều phải đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10). Nếu số thí sinh có điểm đạt lớn hơn số chỉ tiêu đào tạo thì lấy từ trên xuống đến số thứ tự bằng số chỉ tiêu căn cứ vào tổng điểm 2 môn (làm tròn đến 0,25 điểm). Nếu số thí sinh đạt thấp hơn số chỉ tiêu đào tạo cũng không lấy thêm.
- Các đối tượng ưu tiên được xem xét trong tuyển chọn theo quy định tuyển sinh Sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường báo cáo kết quả thi tuyển, dự kiến điểm chuẩn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo duyệt và ra quyết định công nhận trúng tuyển.
- Thí sinh trúng tuyển năm nào học năm đó (Trường hợp bảo lưu: thí sinh phải làm đơn trình bày rõ lý do chính đáng có cơ quan chủ quản chứng thực được Trường ra quyết định bảo lưu, thời gian bảo lưu kết quả thi tối đa 1 năm)

2.6. Kế hoạch đào tạo

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ phù hợp Quy chế đào tạo Thạc sĩ 23/2021/TI-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo Thạc sĩ của trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương.
- Địa điểm đào tạo: Tại trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương. Ngoài ra, các học phần có thực tập tại bệnh viện tuyến Tỉnh và các bệnh viện tuyến Trung ương đủ điều kiện là cơ sở thực hành.
- Tổ chức đào tạo: Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ, cụ thể:
- Các khóa học được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ: 2 năm.
- Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.
- Đầu khóa học, Phòng Quản lý đào tạo thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường có liên quan đến khóa học.
- Trường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ sở y tế để đảm bảo điều kiện nghiên cứu, thực hành, thực tế tốt nghiệp cho người học phù hợp với yêu cầu của ngành, chuyên ngành và loại chương trình đào tạo.
- Trường căn cứ vào Quy chế đào tạo thạc sĩ theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thông qua đề cương chi tiết học phần; quy định việc tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ.

Tiến trình đào tạo

Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
Học phần chung			
Triết học			Luận Văn
PP NCKH			
Môn tự chọn (Thông kê y học hoặc PP giảng dạy đại học)			
Thực hành dựa vào bằng chứng			
Sinh lý ứng dụng trong PHCN			
Lãnh đạo và quản lý			
HP cơ sở ngành tự chọn (Vận động học và kiểm soát vận động hoặc Quá trình PTGT)			
Modul 1			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	VLTL bệnh cơ xương 3	
	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	Bài tập Vật lý trị liệu 3	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng VLTL 1	
	Tâm lý lâm sàng	HP tự chọn 5 tín chỉ	
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN		
	Lượng giá chức năng VLTL		
	VLTL bệnh thần kinh cơ 3		
Modul 2			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	HĐTL thần kinh – cơ 2	
	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng HĐTL 1	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng HĐTL 2	
	Tâm lý lâm sàng		
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN	HP tự chọn 5 tín chỉ	

	Lượng giá chức năng HĐTL		
	Các mô hình liên quan hoạt động con người		
	ĐTL Ngoại – chính hình 2		
Modul 3			
	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng NNTL 2 (cho người lớn có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	
	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	HP tự chọn 11 tín chỉ	
	Dạy và học trong phục hồi chức năng		
	Tâm lý lâm sàng		
	Dụng cụ trợ giúp trong PHCN		
	Chuyên đề RLNN-GT ở trẻ em		
	Chuyên đề RLNN-GT ở người lớn		
	Thực hành lâm sàng NNTL 1 (cho trẻ em có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)		

2.7. Thi, kiểm tra, đánh giá

- Kết quả các học phần trong CTĐT được xếp đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên (tương ứng 5,5 theo thang điểm 10).

- Hiệu trưởng căn cứ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ hiện hành để quy định cụ thể các nội dung: tổ chức đánh giá học phần, số lần kiểm tra, điều kiện thi kết thúc học phần, trọng số điểm kiểm tra và điểm thi; sử dụng thang điểm 10 và/hoặc thang điểm chữ 5 bậc A, B, C, D, F (tương đương với năm loại: giỏi, khá, trung bình, trung bình yếu và kém) khi tính điểm học phần; học lại (bao gồm cả việc học lại đối với học phần đã đạt điểm 5,5 trở lên nếu học viên có nhu cầu và cơ sở đào tạo chấp nhận); cách tính điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy).

2.8. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định luận văn

2.8.1. Đề tài luận văn

Sau 1 học kỳ học tập, Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương tổ chức thông qua đề cương luận văn thạc sĩ.

Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của trưởng Khoa điều dưỡng và Phòng Quản lý đào tạo;

Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng Khoa điều dưỡng đồng ý.

2.8.2. Yêu cầu đối với luận văn:

Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành điều dưỡng.

Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào). Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tấy xóa.

Luận văn phải đảm bảo theo quy định về các thức trình bày (Ban hành theo quyết định)

2.8.3. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

❖ Hướng dẫn luận văn:

- Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn sẽ ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;
- Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn chính tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn chính tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn chính tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

❖ Điều kiện bảo vệ luận văn:

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);
- Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (theo thông tư 23/2021)
- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

- ❖ **Hội đồng đánh giá luận văn**
 - Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị chuyên môn và trường đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định.
 - Hội đồng đánh giá luận văn có 05 (năm) thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện

- ❖ **Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:**
 - Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.
 - Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;
 - Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.
 - Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;
 - Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định.
 - Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: (1) Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; (2) vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; (3) vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên, trường hợp có lý do khách quan. Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

2.8.4. Đánh giá luận văn

Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng. Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

Điểm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyên giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân, được xếp đạt khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên,

Trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn

không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện.

2.8.5. Thẩm định luận văn

Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn.

Hội đồng thẩm định luận văn có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham gia hội đồng thẩm định.

Quy chế của cơ sở đào tạo quy định chi tiết về việc thành lập hội đồng thẩm định luận văn; quy trình họp hội đồng và xử lý kết quả thẩm định luận văn, cụ thể:

* Thành lập hội đồng thẩm định

Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định; trong đó, nếu có thành viên thuộc cơ sở đào tạo thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

* Thẩm định luận văn

Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được cơ sở đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì thủ trưởng cơ sở đào tạo dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì thủ trưởng cơ sở đào tạo giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định

Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

2.9. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

- Hoàn thành, thi đạt các học phần của CTĐT và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu.
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của CTĐT trước thời điểm xét tốt nghiệp.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
- Cơ sở đào tạo tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn.
- Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trường đơn vị quản lý đào tạo sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc cấp phó được ủy quyền của Hiệu trưởng làm chủ tịch, trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.
- Bảng điểm cấp cho học viên ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.
- Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website của Nhà trường: Đăng đầy đủ thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định của Trường liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo đề xuất mở ngành Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kỹ thuật Y Tế Hải Dương phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường, xu thế phát triển của đất nước và nhu cầu xã hội. Trường Đại học Kỹ thuật Y Tế Hải Dương đã đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có đủ khả năng đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Điều dưỡng đảm bảo uy tín và có chất lượng. Quy trình đào tạo của trường sẽ đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian tới, Trường Đại học Kỹ thuật Y Tế Hải Dương tiếp tục đầu tư theo kế hoạch tuyển sinh để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với ngành mà Trường đăng ký mở ngành đào tạo.
3. Cam kết triển khai thực hiện sau khi có quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Kỹ thuật Y Tế Hải Dương đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Điều dưỡng, Nhà trường cam kết triển khai thực hiện và đảm bảo đáp ứng các yêu cầu chất lượng đào tạo như trình bày trong đề án

MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD
I HỌC PHẦN CHUNG					
1	81337001	Triết học	Học phần Triết học cung cấp cho học viên kiến thức khái quát về lịch sử tư tưởng triết học, vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội.	3	HKI
2	82217001	Thống kê y học	Giúp học viên có thể vận dụng các phương pháp phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS và phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu khoa học để đưa ra những bằng chứng có giá trị áp dụng vào lâm sàng nhằm nâng cao chất lượng thực hành nghề nghiệp; Ứng dụng tin học trong học tập nâng cao trình độ, học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng trong thực hành nghề nghiệp.	2	HKI
3		Phương pháp NCKH	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về: - Các bước của quy trình nghiên cứu - Chọn vấn đề nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, biến số nghiên cứu - Tham khảo và trích dẫn tài liệu liên quan - Các phương pháp nghiên cứu - Chọn mẫu và cỡ mẫu - Các kỹ thuật thu thập số liệu, xử lý và phân tích số liệu, thống kê và trình bày số liệu thống kê, ứng dụng tin học trong xử lý và phân tích số liệu. - Cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học và đăng bài trong nước và Quốc tế	2	HKI
4		Phương pháp giảng dạy đại học	Nội dung dạy và học trong PHCN sẽ cung cấp cho học viên kiến thức để phát triển các kỹ năng để học tập suốt đời, bao gồm phân tích kết quả hoạt động, xác định nhu cầu học tập và phát triển kế hoạch học tập và đánh giá đồng nghiệp. Học được tìm hiểu về cách tự học tập và các kỹ thuật tạo điều kiện học tập, bao gồm cả các phong cách giảng dạy. Học sẽ học thông qua các hoạt động học tập tích cực và đóng vai. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho học viên phương pháp hướng dẫn và tư vấn cho người sử dụng dịch vụ y tế, người chăm sóc, học viên và đồng nghiệp, từ đó phát triển các năng lực liên quan của bản thân. Nội dung tiếp theo về thực hành dựa vào bằng chứng sẽ giúp người học	2	HKI

			<p>hiều được định nghĩa thực hành dựa vào bằng chứng (EBP), giá trị cũng như mối liên quan của EBP với thực hành nghề Phục hồi chức năng. Trong học phần này học viên sẽ trang bị kiến thức về phân loại chứng cứ, các cấp độ tin cậy của chứng cứ và làm thế nào để tìm kiếm các nghiên cứu, nhận định và đánh giá các tài liệu đó một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, người học sẽ được thực hành về việc thẩm định các chứng cứ đã tìm kiếm được cũng như các chiến lược để xác định những nghiên cứu có tính giá trị cao được áp dụng trong việc ra quyết định trong thực hành lâm sàng.</p>		
5		Tiếng anh	<p>Học phần tiếng Anh chuyên ngành dành cho đối tượng bác sĩ chuyên khoa 1 phục hồi chức năng là học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương nhằm giúp người học phát triển các kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc và cung cấp kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh về các lĩnh vực quan trọng của ngành phục hồi chức năng. Để giúp người học thực hành trong môi trường y khoa, mỗi bài học sẽ cung cấp các chủ đề liên quan đến ngành phục hồi chức năng, các hoạt động nghe nói phản ánh những thực tế công việc hàng ngày của bác sĩ PHCN.</p>		
II HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ					
1	50217201	Thực hành dựa vào bằng chứng	<p>Học viên sẽ trang bị kiến thức về phân loại chứng cứ, các cấp độ tin cậy của chứng cứ và làm thế nào để tìm kiếm các nghiên cứu, nhận định và đánh giá các tài liệu đó một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, người học sẽ được thực hành về việc thẩm định các chứng cứ đã tìm kiếm được cũng như các chiến lược để xác định những nghiên cứu có tính giá trị cao được áp dụng trong việc ra quyết định trong thực hành lâm sàng</p>	3	HKI
2	70317101	Sinh lý ứng dụng trong phục hồi chức năng	<p>Học phần cung cấp cho học viên kiến thức của sinh lý học: Sinh lý điều nhiệt, sinh lý hệ tuần hoàn – hô hấp và những thay đổi khi luyện tập, Sinh lý bộ máy vận động, Cơ sở sinh lý phân loại bài tập, các tổ chất vận động và cơ sở hình thành kỹ năng vận động, các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong quá trình tập luyện. Học viên sẽ thực hành phân tích các lợi ích của hoạt động thể chất nhằm đưa ra các lượng giá và can thiệp Phục hồi chức năng phù hợp và đánh giá kết quả can thiệp đó.</p>	3	HKI
		Lãnh đạo và quản lý	<p>Học phần Lãnh đạo và quản lý PHCN là học phần quan trọng cung cấp kiến thức về phong cách</p>	2	HKI

			lãnh đạo, những phương pháp quản lý logic trong công tác PHCN. Đồng thời học phần cũng trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng xử lý những vấn đề thường gặp trong công tác lãnh đạo và quản lý PHCN tại bệnh viện. Từ đó tăng cường năng lực quản lý, nhận định, lập kế hoạch và xử lý các vấn đề trong công tác PHCN của người lãnh đạo - quản lý góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện cho người bệnh.		
III HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH PHCN					
1.	50317202	Vận động học và kiểm soát vận động (tự chọn)	Giúp học viên hiểu rõ hơn và phát triển kỹ năng phân tích về tình trạng suy giảm vận động dựa trên việc kiểm soát vận động và học vận động. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể vận dụng kiến thức để giải thích, phân tích các vấn đề về vận động của người bệnh, từ đó cải thiện khả năng ra quyết định lâm sàng và định hướng điều trị cũng như phát triển nghiên cứu lâm sàng trong lĩnh vực này	2	HKI
2.		Quá trình phát triển giao tiếp (Tự chọn)	Học phần này mô tả sự phát triển khả năng giao tiếp bình thường xuyên suốt cuộc đời, bắt đầu bằng kiến thức về cơ sở sinh học, thần kinh, tâm lý, nhận thức và xã hội của sự phát triển giao tiếp. Sinh viên sẽ học về quá trình phát triển của giao tiếp từ giai đoạn trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, tiếp diễn đến tuổi thanh thiếu niên và đến tuổi trưởng thành cũng như sự thay đổi của quá trình này khi có sự thay đổi về tuổi. Sinh viên sẽ học cách phân tích khả năng giao tiếp của người bình thường và người bệnh ở các độ tuổi khác nhau thông qua việc quan sát và phân tích ngôn ngữ và liên hệ với những kiến thức lý thuyết về sự phát triển giao tiếp mà các em có được.	2	HKII
1	50217301	Lập luận lâm sàng trong phục hồi chức năng	Trang bị thêm các kỹ năng mềm cho học viên để phát triển tính chuyên nghiệp trong thực hành nghề nghiệp đồng thời giúp học viên có kiến thức lý thuyết căn bản tham gia vào công tác đào tạo cho người học, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng sau này.	2	HKII
2	50217302	Phát triển chuyên môn trong phục hồi chức năng	Giúp học viên nhận biết được vai trò của quy tắc và tính chuyên nghiệp trên phạm vi toàn cầu và quốc gia, và những đóng góp của các nhà vật lý trị liệu có thể thực hiện thông qua việc quản lý và lãnh đạo hiệu quả các chính sách và hệ thống y tế và kinh tế, cũng như cải thiện sức khỏe của người dân.	2	HKII
3	50217303	Dạy và học trong phục hồi chức năng	Học phần giúp cung cấp cho học viên kiến thức để phát triển các kỹ năng để học tập suốt đời, bao gồm phản ánh kết quả hoạt động, xác định	2	HKII

		năng	nhu cầu học tập và phát triển kế hoạch học tập và đánh giá đồng nghiệp		
IV HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH (TỰ CHỌN)					
Modul 1					
1.	251327301	Lượng giá chức năng VLTL	Học viên sẽ học cách phát hiện và đánh giá sức mạnh cơ, trương lực cơ, tầm vận động khớp, đo chu vi chiều dài, lượng giá đau, thương tật thứ cấp, các thang đánh giá cơ bản và lựa chọn được các công cụ đánh giá. Sau khi học xong, học viên có thể thể hiện khả năng diễn giải kết quả và so sánh với thông số bình thường cũng như biết về độ tin cậy và giá trị của các phương pháp lượng giá trên	3	HKII
2.	351427302	VLTL bệnh thần kinh - cơ 3	Học phần này sẽ mở rộng kiến thức cho sinh viên về những bệnh lý và tổn thương thần kinh cơ bản, và đào sâu mối quan hệ giữa vận động, cảm giác và chức năng nhận thức. Xây dựng trên nền tảng khoa học của sự phát triển hệ thống thần kinh, sự điều khiển vận động, hệ thống giả thuyết nguyên nhân, biến chứng, điều trị y học và chẩn đoán của một số rối loạn thần kinh sẽ được làm rõ. Học phần sẽ giới thiệu các phương pháp điều trị vật lý trị liệu thần kinh và trình bày các kỹ năng trong đánh giá và quản lý rối loạn thần kinh.	4	HKII
3.	51427303	VLTL bệnh cơ - xương 3	Học viên sẽ đạt được khối kiến thức nâng cao, kỹ năng lập luận lâm sàng, các kỹ thuật can thiệp VLTL nâng cao về bệnh cơ xương khớp, giúp học viên thực hành trên người bệnh một cách độc lập, thành thạo và có sáng tạo.	4	HKII
4.	51327304	VLTL bệnh tim mạch - Hô hấp 2	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về phục hồi chức năng cho những vấn đề, bệnh lý phức tạp của hệ tim mạch và hô hấp. Nội dung học phần cung cấp cho học viên cách tiếp cận có hệ thống để đánh giá người bệnh có triệu chứng tim mạch-hô hấp cấp tính, bệnh lý thần kinh cơ mạn tính và bệnh lý hô hấp tim mạch trong cộng đồng.	3	HKIII
Tự chọn					
5.	51217305	Bài tập VLTL 3	Giúp cung cấp cho học viên các khái niệm, nguyên tắc về kỹ thuật vận động khớp, kích thích bán thể thần kinh cơ (PNF) nâng cao nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề, can thiệp vật lý trị liệu trong các bệnh lý về cơ xương khớp và thần kinh cơ. Từ đó học viên vận dụng các phương pháp trị liệu để can thiệp trên người có vấn đề sức khỏe liên quan đến tình trạng suy giảm thể chất, chức năng một cách	2	HKI

			hiệu quả và giúp họ phục hồi và cải thiện chức năng.		
6.	51507306	Thực hành lâm sàng VLTL 1	Học viên vận dụng thành thạo các công cụ lượng giá, các phương pháp can thiệp Vật lý trị liệu chuyên sâu và áp dụng linh hoạt trên từng người bệnh. Học phần lâm sàng này giúp học viên nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân trong hành nghề kỹ thuật Phục hồi chức năng. Đồng thời giúp hoàn thiện các kỹ năng hoạt động nhóm, hợp tác hiệu quả với các nhóm điều trị, liên chuyên ngành và phối hợp chặt chẽ với người bệnh và gia đình người bệnh..	5	HKI
7.	51507307	Thực hành lâm sàng VLTL 2	Học phần này trang bị cho học viên kỹ năng giải quyết vấn đề và lập luận lâm sàng để thiết lập được mục tiêu, kế hoạch Phục hồi chức năng, tiên lượng và điều chỉnh kế hoạch phục hồi chức năng phù hợp trên từng người bệnh thuộc các lĩnh vực tim mạch hô hấp và Nhi khoa. Học viên sẽ sử dụng thành thạo các kỹ năng Vật lý trị liệu chuyên sâu đồng thời nâng cao kỹ năng chuyên môn để thực hiện can thiệp cho người bệnh, phối hợp liên chuyên ngành để can thiệp phục hồi chức năng, phù hợp, an toàn, hiệu quả cho người bệnh	5	HKII
HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU					
1.	52317301	Lượng giá và can thiệp HĐTL	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về quy trình can thiệp và lượng giá Hoạt động trị liệu. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên nghiên cứu và thực hành các đánh giá cụ thể, các thuộc tính tâm lý và sử dụng lâm sàng của chúng, với trọng tâm là đánh giá khuyết tật. Học phần đồng thời cung cấp các phương pháp can thiệp Hoạt động trị liệu liên quan đến ngành công nghiệp và tại cộng đồng, tăng cường sức khỏe và khả năng tiếp cận, cải thiện kỹ năng làm việc nhóm.	3	HKII
2.	52217302	Các mô hình liên quan hoạt động con người	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về các khung tham khảo và mô hình liên quan đến hoạt động con người trong Hoạt động trị liệu. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên nghiên cứu và so sánh và phân biệt các mô hình thực hành, đánh giá chính xác những vấn đề của người bệnh theo các mô hình và khung thực hành Hoạt động trị liệu. Học phần đồng thời cung cấp các phương pháp can thiệp Hoạt động trị liệu dựa trên các khung tham khảo và mô hình liên quan đến hoạt động của con người.	2	HKII

3.	52217303	HĐTL Ngoại – chính hình 2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về phục hồi chức năng cho những vấn đề, bệnh lý thường gặp ở người cao tuổi. Nội dung học phần đề cập đến sự thay đổi sinh lý liên quan đến tuổi tác và lối sống dẫn tới sự suy giảm các hoạt động chức năng. Do ảnh hưởng của quá trình lão hóa, sự suy giảm có thể ảnh hưởng đến các hệ thống khác nhau như hệ tim mạch, hô hấp, cơ xương khớp và thần kinh. Bên cạnh đó, khóa học sẽ giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc lượng giá và can thiệp phục hồi chức năng lão khoa theo Phân loại Quốc tế về Chức năng, Khuyết tật và Sức khỏe (ICF). Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về phục hồi chức năng bàn tay và chi trên. Nội dung học phần đề cập đến các khía cạnh cơ sinh học, đánh giá trước phẫu thuật, tổng quan về phẫu thuật và quản lý phục hồi các tình trạng khác nhau ảnh hưởng đến bàn tay và các chi trên bao gồm chấn thương phức tạp và tình trạng viêm khớp. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu được cơ sinh học và động học của cột sống, các nguyên tắc lượng giá và can thiệp phục hồi chức năng chấn thương tùy sống (SCI), các phương pháp quan trọng của các bài tập trị liệu.	2	HKII
4.	52217304	HĐTL thần kinh – cơ 2	Học phần này mô tả vai trò của HĐTL trong PHCN bệnh thần kinh; cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng lượng giá và phương pháp can thiệp HĐTL trong các bệnh số bệnh thần kinh.	2	HKII
5.	52227305	Đạo đức nghiên cứu và giáo dục học	Sau khi học xong học phần này, học viên xác định được các vấn đề liên quan đến đạo đức nghiên cứu, phương pháp viết khung chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy trong lĩnh vực giáo dục.	2	HKII
6.	52507306	Thực hành lâm sàng HĐTL 1	Học phần này trang bị cho học viên kỹ năng giải quyết vấn đề và lập luận lâm sàng để thiết lập được mục tiêu, kế hoạch can thiệp Hoạt động trị liệu, tiên lượng và điều chỉnh kế hoạch can thiệp phù hợp trên từng người bệnh thuộc các lĩnh vực bệnh lý về hệ thống thần kinh cơ, cơ xương khớp và tâm thần. Học viên sẽ sử dụng thành thạo các công cụ lượng giá, các phương pháp can thiệp Hoạt động trị liệu chuyên sâu áp dụng linh hoạt trên từng người bệnh. Chính vì vậy, học phần lâm sàng này giúp học viên phát triển và nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân. Đồng thời	5	HKII

			giúp hoàn thiện các kỹ năng hoạt động nhóm, hợp tác hiệu quả với các nhóm điều trị, liên chuyên ngành và phối hợp chặt chẽ với người bệnh và gia đình người bệnh..		
7.	52507307	Thực hành lâm sàng HDTL 2	Học phần cung cấp cho học viên môi trường thực tế, tiếp xúc với người bệnh, khách hàng thật vượt qua sự mô phỏng, giúp học viên có thể áp dụng các kiến thức về giải phẫu, sinh lý và bệnh học, các kỹ thuật lượng giá và can thiệp HDTL đã được giới thiệu trong học phần HDTL thần kinh cơ 2 vào lâm sàng để cải thiện và nâng cao các kỹ năng giao tiếp, tư vấn, khám, lượng giá, thiết lập mục tiêu và xây dựng các chương trình can thiệp lấy người bệnh làm trung tâm, thực hiện các kỹ thuật điều trị thích hợp và phù hợp với các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp. Học phần tạo điều kiện, cơ hội giúp học viên khẳng định được vai trò của nhà HDTL trong lĩnh vực thần kinh cơ và các nhóm điều trị liên ngành. Học phần cung cấp cho học viên một môi trường học tập năng động và áp lực đòi hỏi sinh viên luôn luôn trau dồi kiến thức thông qua các nghiên cứu khoa học, trao đổi kiến thức mới với bạn bè đồng nghiệp.	5	HKII
1.	52217401	HDTL nhi khoa 2	học viên xác định được vai trò và nhiệm vụ của nhà Hoạt động trị liệu trong đánh giá, lượng giá, xác định vấn đề, thiết lập mục tiêu và chương trình can thiệp hoạt động trị liệu cho các rối loạn phát triển ở trẻ em, các bệnh lý thần kinh, bệnh lý cơ- xương- khớp, bệnh lý tâm thần ở trẻ nhỏ. Song song với đó các nhà HDTL sẽ vận dụng linh hoạt các mô hình, khung chương trình can thiệp phù hợp với từng trẻ trong từng môi trường cụ thể để trẻ đạt được khả năng tham gia tối đa về mặt chức năng.	2	HKII
2.	52307403	Thực hành lâm sàng HDTL 3	Học phần này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu hoạt động chuyên môn tại các khoa Phục hồi chức năng(PHCN), các khoa lão khoa, khoa đột quy . Dưới sự giám sát và hỗ trợ của các giảng viên lâm sàng, sinh viên sẽ thể hiện các kỹ năng phỏng vấn, khai thác thông tin, ghi chép hồ sơ, thăm khám, lượng giá, thực hiện kỹ thuật Hoạt động trị liệu/Phục hồi chức năng (HDTL/PHCN) cho người bệnh có bệnh lý về hệ cơ xương khớp, thần kinh cơ, các bệnh lý về nội và lão khoa, hỗ trợ can thiệp và chăm sóc phục hồi tại khoa hồi sức dựa trên các vấn đề của người bệnh. Sinh viên sẽ được phát triển các kỹ năng về giao tiếp hiệu quả với nhóm chăm	3	HKII

			sóc sức khỏe, người bệnh và gia đình người bệnh.		
Modul 3					
3.	53217301	Chuyên đề RLNN-GT ở trẻ em	học viên sẽ thực hiện một chuyên đề về rối loạn ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ em. Trong suốt quá trình thực hiện đề tài, học viên sẽ nhận được tư vấn, hướng dẫn từ giảng viên. Trong chuyên đề, học viên phải hoàn thành đề cương, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, viết báo cáo kết quả vào phần đánh giá cuối học phần. Những chuyên đề có nhiều điểm đột phá, sáng kiến hay sẽ có cơ hội tham gia báo cáo tại các hội nghị khoa học, hội thảo trong và ngoài trường.	2	HKII
4.	53217302	Chuyên đề RLNN-GT ở người lớn	học viên sẽ thực hiện chuyên đề về rối loạn giao tiếp-ngôn ngữ ở người lớn. Trong suốt quá trình thực hiện chuyên đề, học viên sẽ nhận được tư vấn, hướng dẫn từ giảng viên. Với học phần này, học viên phải hoàn thành một bài thuyết trình nhóm và 1 bài thuyết trình cá nhân liên quan đến nội dung kiến thức về rối loạn ngôn ngữ và giao tiếp có nguồn gốc từ các bệnh lý hệ thần kinh, hay các rối loạn xuất hiện từ khiếm khuyết/phẫu thuật vùng đầu cổ ở người lớn. Bao gồm nội dung về phân loại, nguyên nhân, đặc điểm lâm sàng, phương pháp lượng giá và can thiệp ngôn ngữ thích hợp cho các dạng bệnh như đột quỵ, sa sút trí tuệ, parkinson, chấn thương não, ung thư vùng đầu -cổ... phương pháp làm việc với gia đình và thành viên nhóm liên ngành.	2	HKII
5.	53227303	Tâm lý lâm sàng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lý bao gồm: các khái niệm, phân biệt, các nguyên tắc lượng giá, chẩn đoán và can thiệp. Phần thứ hai đề cập tới một số bệnh lý cụ thể có nhu cầu trị liệu tâm lý và tư vấn tâm lý như: Các rối loạn ăn uống, tình trạng căng thẳng lo lắng mạn tính, hội chứng mất hòa nhập xã hội, hay như chứng tăng động giảm chú ý, Hội chứng ám ảnh sau chấn thương... đề cập tới đối tượng là những cá nhân và tập thể khỏe mạnh hay những bệnh nhân thực sự tại các bệnh viện, từ trẻ nhỏ đến người lớn tuổi.	2	HKII
6.	53507304	Thực hành lâm sàng NNTL 1 (cho trẻ em có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	Học viên sẽ có cơ hội để thực hành các kỹ năng lâm sàng với trẻ (ví dụ: thu thập thông tin bệnh sử của bệnh nhân, sử dụng các công cụ lượng giá cơ bản, lượng giá, viết mục tiêu trị liệu ngắn hạn và dài hạn, thực hiện các can thiệp ngôn ngữ trị liệu), dưới sự giám sát của giảng viên lâm sàng. Học viên sẽ tham gia vào các	5	HKII

			buổi lập kế hoạch, phản hồi và phản ánh với bạn học và giảng viên lâm sàng và có cơ hội phát triển và thực hành các kỹ năng chuyên môn chung và các năng lực lâm sàng cơ bản và nâng cao, bao gồm kỹ năng lập luận lâm sàng. Nhóm bệnh nhân bao gồm: trẻ có vấn đề về ăn uống.		
7.	53507305	Thực hành lâm sàng NNTL 2 (cho người lớn có rối loạn ngôn ngữ, giao tiếp)	Học viên được yêu cầu tham gia thực hành các kỹ năng lâm sàng trên bệnh nhân người lớn có vấn đề về giao tiếp và ngôn ngữ. Học viên sẽ có cơ hội để thực hành các kỹ năng lâm sàng với bệnh nhân (ví dụ: thu thập thông tin bệnh sử của bệnh nhân, sử dụng các công cụ lượng giá cơ bản, lượng giá, viết mục tiêu trị liệu ngắn hạn và dài hạn, thực hiện các can thiệp ngôn ngữ trị liệu), dưới sự giám sát của giảng viên lâm sàng. Học viên sẽ tham gia vào các buổi lập kế hoạch, phản hồi và phản ánh với bạn học và giảng viên lâm sàng và có cơ hội phát triển và thực hành các kỹ năng chuyên môn chung và các năng lực lâm sàng cơ bản và nâng cao, bao gồm kỹ năng lập luận lâm sàng. Nhóm bệnh nhân bao gồm: mất ngôn ngữ, rối loạn giao tiếp-nhận thức.	5	HKII
8.	53307404	Thực hành lâm sàng NNTL 3	Môn học này là môn học tiếp theo sau môn Rối loạn nuốt. Học viên sẽ có cơ hội để thực hành trên lâm sàng các kiến thức và kỹ năng đã được học trên lý thuyết và tiền lâm sàng. Học viên sẽ thực hành thực hành đánh giá, can thiệp rối loạn nuốt trên lâm sàng, quản lý dựa trên bằng chứng khoa học. Các học viên thể hiện vai trò của chuyên viên ngôn ngữ trị liệu trong nhóm làm việc đa chuyên ngành để quản lý về nuốt và rối loạn nuốt cho người bệnh tại các khoa lâm sàng	3	HKII
9.	53307405	RL nuốt ở trẻ em	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về nguyên nhân, phân loại và biểu hiện lâm sàng của tình trạng rối loạn ăn uống ở trẻ em như: bại não, rối loạn phổ tự kỷ, khe hở vòm miệng, đặc biệt là các trẻ trong ICU. Học phần cũng cung cấp lý thuyết về đánh giá hành vi và quản lý rối loạn nuốt và bữa ăn ở trẻ có khó khăn/rối loạn ăn uống ở các trẻ mắc các tình trạng bệnh lý trên. Đồng thời giúp lựa chọn, thực hiện kỹ thuật can thiệp và đánh giá kết quả can thiệp cho các đối tượng khác nhau có rối loạn nuốt và các vấn đề liên quan	3	HKII

10.	53227408	Chuyên đề	<p>Trong học phần này, học viên sẽ thực hiện một chuyên đề (ví dụ như rối loạn giọng nói...). Trong suốt quá trình thực hiện đề tài, học viên sẽ nhận được tư vấn, hướng dẫn từ giảng viên.</p> <p>Trong chuyên đề, học viên phải hoàn thành đề cương, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, viết báo cáo kết quả vào phần đánh giá cuối học phần.</p> <p>Những chuyên đề có nhiều điểm đột phá, sáng kiến hay sẽ có cơ hội tham gia báo cáo tại các hội nghị khoa học, hội thảo trong và ngoài trường.</p>	2	HKII
11.		Thính học và PHCN thính giác	<p>Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu cho học viên về thính học và ngôn ngữ trị liệu cho người bệnh suy giảm/ mất thính lực. Học phần cũng cung cấp thực hành đánh giá, can thiệp cho người bệnh trên lâm sàng dựa trên bằng chứng khoa học. Các học đọc và diễn giải kết quả đo thính lực và sử dụng kết quả đo thính lực để lập kế hoạch can thiệp cho trẻ em và người lớn bị mất thính lực.</p> <p>Các học viên sẽ được các chuyên gia về giáo dục đặc biệt (chuyên ngành thính học) hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ ký hiệu để có thể giao tiếp thành thạo với người bị mất thính lực.</p>	4	HKII
V	LUẬN VĂN				

PHỤ LỤC 1**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI
NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO
TẠO****TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2

